

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý thực hiện Chương trình
phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào
dân tộc thiểu số giai đoạn 2008 – 2010 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 03/12/2004;

Căn cứ quyết định số 07/2006/QĐ-TTg ngày 10/01/2006 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2006 – 2010;

Căn cứ quyết định số 05/2007/QĐ-UBND ngày 06/9/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc công nhận 3 khu vực vùng dân tộc thiểu số và miền núi theo trình độ phát triển.

Căn cứ quyết định số 69/2008/QĐ-TTg ngày 28/5/2008 về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II;

Căn cứ quyết định 112/2007/QĐ- TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng chính phủ về chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II;

Căn cứ thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên bộ: Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 – 2010.

Căn cứ Thông tư 02/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

Căn cứ thông tư số 06/2007/TT-UBND ngày 20/9/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc hướng dẫn thực hiện mức hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý, để nâng cao nhận thức pháp luật theo quyết định 112/2007/QĐ – TTg;

Căn cứ thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15/01/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc và miền núi thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 – 2010 và thông tư số 79/2007/TT – BNN ngày 20/9/2007 về việc sửa đổi bổ sung thông tư số 01/2007/TT-BNN;

Căn cứ quyết định 04/2007/QĐUBDT ngày 19/7/2007 của Ủy ban Dân tộc về việc ban hành Chương trình khung đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ cơ sở và cộng đồng thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II;
Theo đề nghị của Trưởng phòng Dân tộc tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này quy định về quản lý và kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc giai đoạn 2008 – 2010 (gọi tắt là 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, cơ quan thường trực Chương trình 135 giai đoạn II, Thủ trưởng các cơ quan ban, ngành, chủ tịch UBND huyện Châu Đức, Xuyên Mộc chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website chính phủ;
- Cục kiểm tra Văn bản (Bộ tư pháp);
- Vụ pháp chế (Ủy ban Dân tộc);
- Thường trực TU, TTHĐND tỉnh;
- Thành viên UBND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng Dân tộc tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thành viên ban chỉ đạo CT 135;
- Như điều 2;
- Sở Tư pháp;
- Trung tâm công báo;
- Báo BRVT;
- Đài PT & TH tỉnh;
- Lưu: VT



Trần Ngọc Thới

QUY ĐỊNH

Về quản lý thực hiện Chương trình phát triển
kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc
giai đoạn 2008 – 2010 trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

(Ban hành kèm theo quyết định số...*33*.../2008/QĐ-UBND ngày...*05*...tháng*12*/năm
2008 của UBND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu)

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng và phạm vi điều chỉnh

1/ Phạm vi áp dụng Chương trình: Quy định này áp dụng cho tất cả các dự án, chính sách sử dụng nguồn vốn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 – 2010 (sau đây gọi tắt là Chương trình 135 giai đoạn II) trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2/ Đối tượng áp dụng: Quy định này áp dụng cho 5 xã đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II theo quyết định số 69/2008/QĐ – TTg ngày 28/5/2008 về việc phê duyệt bổ sung danh sách xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới, xã an toàn khu vào diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II và danh sách xã ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135 giai đoạn II. Cụ thể gồm:

- Xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc.
- Xã Cù Bị, Bàu Chinh, Đá Bạc, Sơn Bình, huyện Châu Đức.

Điều 2. Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II (2008 – 2010)

- Cấp tỉnh: Kiện toàn lại Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II, trong đó giao cho Phòng Dân tộc tỉnh làm thường trực.

- Cấp huyện: Chủ tịch UBND huyện ra quyết định lập Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II. Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II cấp huyện do Phó chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban. Thường trực Ban chỉ đạo là Văn phòng UBND huyện, thành viên là đại diện các phòng, ban có liên quan.

CHƯƠNG II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Quy định về phân cấp quản lý thực hiện Chương trình

1. Cấp tỉnh: Ban chỉ đạo Chương trình của tỉnh có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trong việc triển khai thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn tỉnh. Các sở, ban, ngành là thành viên của Ban chỉ đạo có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ được quy định quyết định này, cụ thể như sau:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì phối hợp với Sở Tài chính, Phòng Dân tộc và UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc cân đối bố trí vốn đảm bảo thực hiện các mục tiêu nhiệm vụ của chương trình 135 giai đoạn II (2008 – 2010).

- Sở Tài chính: Chủ trì phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc, Phòng Dân tộc tổng hợp kế hoạch vốn từng năm trên địa bàn để trình báo cáo UBND tỉnh. Đồng thời căn cứ vào dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương và ngân sách tỉnh chi cho Chương trình 135 giai đoạn II (2008 – 2010) chuyển vốn cho các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc theo tiến độ thực hiện theo từng mục tiêu, nhiệm vụ.

- Sở Xây dựng: Chủ trì phối hợp với Phòng Dân tộc và UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc thẩm định dự toán các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc hợp phần dự án phát triển cơ sở hạ tầng.

- Sở Giao thông và vận tải: Chủ trì phối hợp với Phòng Dân tộc và UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc thẩm định dự toán các công trình giao thông từ xã đến thôn, ấp, các công trình thủy lợi.

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Chủ trì phối hợp với Phòng Dân tộc và UBND huyện Châu Đức, Xuyên Mộc tham mưu cho UBND tỉnh thẩm định dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất và thực hiện các nhiệm vụ cụ thể quy định tại điều 4 thông tư số 79/2007/TT-BNN, ngày 20/9/2007 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi bổ sung một số nội dung của thông tư số 01/2007/TT-BNN ngày 15/01/2007 hướng dẫn thực hiện dự án Hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2006 – 2010.

Giao cho Trung tâm nước sạch vệ sinh môi trường nông thôn trực thuộc Sở Nông nghiệp phối hợp với Phòng Dân tộc và UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc tiến hành khảo sát và lập dự toán đầu tư các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn.

- Sở Nội vụ: Phối hợp với Phòng Dân tộc tỉnh, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc tổ chức thực hiện dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn và cộng đồng.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Chủ trì phối hợp với Phòng Dân tộc, UBND các huyện Châu Đức Xuyên Mộc tổ chức thực hiện hỗ trợ cho học sinh con hộ nghèo đi học theo QĐ 112/2007/QĐ-TTg ngày 20/7/2007 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật thuộc Chương trình 135 giai đoạn II.

- Phòng Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với các sở, ngành có liên quan, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc, lập đề án tổng thể và lập kế hoạch hằng năm. Thẩm định đối tượng được thụ hưởng Chương trình theo từng dự án và phương thức hỗ trợ. Đồng thời triển khai đến các ngành, các cấp về mục tiêu, nhiệm vụ và phân việc của từng ngành, từng cấp.

Phân bổ nguồn kinh phí thực hiện các hợp phần, dự án thuộc phạm vi Chương trình cho các huyện và các ngành có liên quan. Tổ chức theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện chương trình hàng năm, giữa kỳ và khi kết thúc chương trình về UBND tỉnh.

- Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện các phần việc của các hợp phần dự án liên quan đến phạm vi của mình. Đồng thời đề xuất các kế hoạch, nội dung kiểm tra, giúp UBND tỉnh tổng hợp báo cáo đánh giá tình hình thực hiện Chương trình trên phạm vi địa bàn tỉnh.

- UBND tỉnh chỉ đạo việc thực hiện toàn bộ Chương trình 135 giai đoạn II (2008 – 2010), giải quyết những vấn đề vướng mắc giữa các ngành, các địa phương không xử lý được hoặc vượt quá thẩm quyền để đảm bảo cho việc thực hiện Chương trình được thông suốt và đạt mục tiêu đề ra.

2. Cấp huyện: UBND cấp huyện là cấp quản lý tổ chức thực hiện, kiểm tra giám sát tình hình thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn huyện. Cụ thể gồm các nội dung như sau:

- a. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ sản xuất của đồng bào các dân tộc (Sau đây gọi tắt là dự án hỗ trợ phát triển sản xuất).
- b. Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu;
- c. Dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn ấp và cộng đồng.
- d. Chính sách hỗ trợ dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật.

3. Cấp xã

UBND xã là cấp đề xuất nhu cầu dự án, kế hoạch hằng năm và giám sát thực hiện các hoạt động của Chương trình trên địa bàn xã. Đồng thời là chủ đầu tư các công trình được phân cấp và do UBND huyện giao.

Điều 4. Quy định về chủ đầu tư, Ban quản lý dự án:

1. Đối với cấp huyện:

a. Chủ đầu tư: UBND huyện là chủ đầu tư các dự án, chính sách thuộc Chương trình 135 giai đoạn II thực hiện trên địa bàn huyện. Tùy theo quy mô, tính chất công trình, UBND huyện phân cấp cho UBND xã làm chủ đầu tư. Công trình có tính liên hoàn, sử dụng trên phạm vi liên xã do cấp huyện quản lý thì UBND huyện làm chủ đầu tư, công trình do xã quản lý thì xã làm chủ đầu tư. Trong trường hợp xã chưa có đủ điều kiện làm chủ đầu tư, UBND huyện giao cho đơn vị có chức năng phù hợp của huyện làm chủ đầu tư. Đối với những xã có khó khăn trong việc làm chủ đầu tư thì UBND huyện có trách nhiệm cử cán bộ giúp xã để xã có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

UBND huyện phân công các phòng, ban trực thuộc hoặc uỷ quyền cho UBND cấp xã thực hiện các chính sách, dự án còn lại thuộc Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn huyện.

b. Ban quản lý dự án huyện: UBND huyện ra quyết định thành lập Ban quản lý dự án hoặc giao nhiệm vụ cho Ban quản lý dự án XDCB hiện có của huyện để tiếp tục thực hiện dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu thuộc Chương trình 135 giai đoạn II (Chủ tịch, Phó chủ tịch UBND huyện không kiêm nhiệm làm Ban quản lý dự án)

2. Đối với cấp xã:

a. Chủ đầu tư:

UBND xã là Chủ đầu tư các hạng mục công trình thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các xã thuộc Chương trình 135 giai đoạn II có quy mô, kỹ thuật đơn giản (như: đường giao thông đến thôn, ấp thi công bằng phương pháp thủ công, công trình thủy lợi: chủ yếu là đào đắp kênh mương; lớp mẫu giáo, mầm non thôn, ấp; Nhà sinh hoạt cộng đồng) khi được phân cấp và do UBND huyện giao, với các điều kiện sau:

+ Cán bộ kỹ thuật: Tối thiểu 01 người phải có văn bằng trung cấp xây dựng chuyên ngành trở lên.

+ Cán bộ kế toán: Tối thiểu 01 người phải có văn bằng trung cấp kế toán trở lên

Những công trình đầu tư bằng nguồn tài trợ của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh có yêu cầu trực tiếp đến xã, nguồn vốn vận động của nhân dân trong vùng dự án tự nguyện đóng góp của UBND xã làm chủ đầu tư.

b. Ban quản lý dự án xã

Việc thành lập Ban quản lý dự án xã được thực hiện như sau:

- Khi được UBND huyện giao cho UBND xã làm chủ đầu tư công trình mỗi xã sử dụng Ban quản lý dự án hiện có của xã để thực hiện. Nếu xã chưa có Ban quản lý dự án thì thành lập Ban quản lý dự án do Chủ tịch hoặc Phó chủ tịch làm Trưởng ban.

- UBND xã ra quyết định thành lập Ban quản lý dự án cấp xã. Ban quản lý dự án cấp xã có tư cách pháp nhân được mở tài khoản tại Kho bạc nhà nước huyện và sử dụng con dấu của xã để giao dịch.

Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ đầu tư và Ban quản lý dự án được quy định tại Phần II, mục II, điều 3 của thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên bộ Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc Hướng dẫn thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 – 2010.

Trong các nhiệm vụ nêu trên, nếu chủ đầu tư không thành lập Ban quản lý dự án và phải thuê đơn vị tư vấn, quản lý dự án thì nhiệm vụ của chủ đầu tư và tổ chức tư vấn quản lý dự án được quy định tại Phần II, mục II, điều 4 của thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBND-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên bộ Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c. Ban giám sát xã:

Ban giám sát đầu tư của cộng đồng trên địa bàn xã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ giám sát nội dung thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II trên địa bàn xã. Ban giám sát xã do Chủ tịch UBND xã quyết định thành lập theo đề nghị Ủy ban Mặt trận tổ quốc xã.

- Ủy ban Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã chủ trì tổ chức Hội nghị của cộng đồng để bầu ra Ban Giám sát đầu tư cộng đồng của xã hoặc quyết định giải tán Ban giám sát đầu tư của cộng đồng. Tổ chức cuộc họp đầu tiên của ban Giám sát đầu tư của cộng đồng để bầu ra Trưởng ban, Phó Trưởng ban và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên;

- Ban giám sát của cộng đồng xã gồm 5 – 7 thành viên, các thành viên của Ban giám sát đầu tư của cộng đồng không phải là người đương nhiệm trong bộ máy chính quyền cấp xã nhưng phải am hiểu các chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định về quản lý về đầu tư và hiểu biết cơ bản về kỹ thuật xây dựng:

- Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban giám sát xã:

+ Giám sát xây dựng các công trình thực hiện trên địa bàn xã từ giai đoạn lập khảo sát xây dựng đến thi công, nghiệm thu, bàn giao đưa công trình vào sử dụng và thanh quyết toán công trình;

+ Giám sát việc đền bù thiệt hại cho những người bị ảnh hưởng bởi dự án để đảm bảo rằng họ được đền bù cho những tài sản thiệt hại theo quy định hiện hành của nhà nước;

+ Giám sát lao động địa phương được trả công khi tham gia lao động xây dựng công trình và ngày công lao động đóng góp của địa phương vào công trình (nếu có);

+ Ban giám sát xã phối hợp với đơn vị tư vấn giám sát hoặc Ban quản lý dự án huyện, xã để giám sát, kiểm tra tiến độ thi công xây dựng công trình về khối lượng và chất lượng, về chủng loại vật tư, tiến độ thi công và thời gian thực hiện các hạng mục công trình theo đúng cam kết của nhà thầu;

+ Ghi chép tình hình thực hiện hằng ngày trong nhật ký của ban giám sát xã, báo cáo thường xuyên và định kỳ về tình hình thực hiện xây dựng công trình gửi UBND xã để tổng hợp báo cáo UBND huyện;

+ Phối hợp với Ban quản lý dự án huyện, xã hoặc các tổ chức tư vấn, giám sát để giải quyết các khó khăn, vướng mắc trong quá trình thi công công trình trên địa bàn như: Giải toả đền bù, vận động người dân tích cực tham gia hưởng ứng Chương trình...;

+ Có trách nhiệm thông báo cho cộng đồng và các cơ quan có liên quan biết về các Quyết định của cấp có thẩm quyền đối với những vấn đề mà cộng đồng có ý kiến;

+ Được tham gia hội đồng nghiệm thu công trình từng giai đoạn và nghiệm thu tổng thể công trình hoàn thành đưa vào khai thác sử dụng;

+ Được yêu cầu chủ đầu tư, các nhà thầu cung cấp thông tin phục vụ cho việc giám sát đầu tư; được giao 1 bộ hồ sơ thiết kế công trình xây dựng và dự toán công trình;

+ Ban giám sát xã có quyền yêu cầu dỡ bỏ phần khối lượng thi công công trình không đạt yêu cầu thiết kế được duyệt và tiến hành lập biên bản hiện trường đồng thời đề nghị Ban quản lý dự án huyện, xã đình chỉ hoặc huỷ bỏ hợp đồng thi công;

Điều 5. Kế hoạch và nguồn vốn thực hiện:

1. Nguồn vốn:

Nguồn vốn đầu tư thực hiện Chương trình được cân đối trên địa bàn cấp huyện, bao gồm:

- Ngân sách Trung ương bổ sung để thực hiện Chương trình;
- Nguồn vốn ngân sách tỉnh cân đối theo quy định;
- Nguồn vốn cân đối từ ngân sách huyện cho Chương trình;
- Nguồn vốn huy động từ các cơ quan, tổ chức kinh tế - xã hội và các doanh nghiệp;
- Nguồn vốn huy động nhân dân trong, ngoài tỉnh và các nguồn lực huy động tại chỗ (chủ yếu là vật tư và ngày công lao động).

2. Kế hoạch hoá đầu tư:

a. Nguyên tắc bố trí kế hoạch vốn đầu tư:

Hàng năm, UBND tỉnh căn cứ vào mục tiêu, kế hoạch giao cho Phòng Dân tộc tỉnh để phân bổ về cho các huyện theo từng hợp phần, dự án..

Căn cứ vào chỉ tiêu được giao và khả năng cân đối nguồn vốn Chương trình tại địa phương. UBND các huyện có trách nhiệm cân đối và giao nhiệm vụ cho các xã và các đơn vị trực thuộc theo tiêu chí, nhiệm vụ nhưng không được bình quân chia đều. Đồng thời phải phối hợp, lồng ghép với các Chương trình dự án khác trên địa bàn nhằm phát huy hiệu quả vốn đầu tư;

Nguồn vốn tài trợ của các cơ quan, tổ chức trong và ngoài tỉnh phải lồng ghép với các nguồn vốn trong kế hoạch năm và được thực hiện theo yêu cầu của nhà tài trợ;

Nguồn vốn huy động của nhân dân: thực hiện theo nghị định số 24/1999 /NĐ-CP ngày 16/4/1999 của chính phủ;

Tất cả các nguồn vốn đầu tư và hỗ trợ đầu tư cho Chương trình 135 giai đoạn II phải được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng thụ hưởng nhằm thực hiện có hiệu quả và đạt mục tiêu của Chương trình, đồng thời phải đưa vào kế hoạch quản lý thống nhất.

b. Lập quy hoạch, kế hoạch cho cả giai đoạn:

Nhằm có cơ sở để triển khai kế hoạch hàng năm, các cấp cần tiến hành lập quy hoạch đầu tư, dự án đầu tư và kế hoạch thực hiện cho từng dự án, chính sách thuộc Chương trình, cụ thể như sau:

b.1. Đối với dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu;

Các xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135 tiến hành lập kế hoạch xây dựng các công trình nằm trong nhóm các công trình thiết yếu thuộc diện đầu tư Chương trình 135.

UBND các huyện có trách nhiệm tổng hợp nhu cầu vốn, danh mục các công trình đầu tư của các quy hoạch xây dựng cấp xã đã được phê duyệt trên địa bàn huyện để báo cáo UBND tỉnh (đồng gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Xây dựng thẩm định, Phòng Dân tộc để tổng hợp).

b.2. Đối với dự án phát triển sản xuất;

- Thôn, ấp: Tổ chức họp dân để lựa chọn nội dung, nhu cầu hỗ trợ. Trưởng thôn, ấp tổng hợp nội dung, nhu cầu của các hộ, nhóm hộ, báo cáo UBND xã tổng hợp và thông báo công khai để nhân dân giám sát.

- UBND xã: Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, nhu cầu hỗ trợ của các thôn, ấp để lập kế hoạch hỗ trợ cho từng năm và cả giai đoạn trình UBND huyện phê duyệt.

- UBND huyện: Tổng hợp kế hoạch hằng năm, cả giai đoạn của các xã, thẩm định phê duyệt, báo cáo UBND tỉnh và Phòng Dân tộc.

- UBND tỉnh: Căn cứ vào định mức đầu tư đã được quy định theo định mức của Trung ương và bổ sung bằng ngân sách tỉnh, giao cho Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, thẩm định định mức hỗ trợ theo quy định, Phòng dân tộc tham mưu tổng hợp kế hoạch của các huyện, các nguồn vốn huy động, phê duyệt và giao kế hoạch hằng năm cho các huyện.

b.3. Đối với dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ cấp xã, thôn, ấp và cộng đồng;

UBND xã căn cứ nội dung, đối tượng đào tạo để thống kê, lập kế hoạch đào tạo cho toàn giai đoạn báo cáo UBND huyện.

UBND huyện phân loại đối tượng, tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, nhu cầu vốn, lập kế hoạch đào tạo báo cáo UBND tỉnh;

Phòng Dân tộc tỉnh có nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với các sở Nội vụ và các ngành liên quan để tổng hợp, lập kế hoạch đào tạo hằng năm và cho cả giai đoạn trình UBND tỉnh phê duyệt.

b.4. Đối với dự án chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao nhận thức pháp luật;

- Các trường mẫu giáo, trường tiểu học, trường THCS, trường PTTH: Lập danh sách học sinh con hộ nghèo học mẫu giáo, học sinh bán trú đang học tại trường, gửi UBND xã có học sinh đang theo học để đối chiếu sau đó tổng hợp gửi UBND huyện, kể cả đối với học sinh đang theo học nhưng thuộc xã huyện khác đơn vị hành chính đang quản lý trường học. Đối với xã chỉ có trường mẫu giáo thì học sinh trường mẫu giáo con hộ nghèo do UBND xã tổng hợp gửi UBND huyện;

- UBND xã chỉ đạo cho các thôn, ấp họp phổ biến chính sách hỗ trợ vệ sinh môi trường của chương trình, phát động các hộ nghèo đăng ký thực hiện; Trưởng thôn, ấp lập danh sách các hộ nghèo đăng ký gửi UBND xã rà soát, tổng hợp chung đối tượng thụ hưởng vào kế hoạch Chương trình 135 của xã, thông qua thường trực HĐND xã, trình UBND huyện;

- UBND xã đặc biệt khó khăn thuộc đối tượng đầu tư của chương trình 135 lập dự toán kinh phí sinh hoạt câu lạc bộ trợ giúp pháp lý trong tổng kinh phí Chương trình 135 của xã gửi UBND huyện. Hằng năm, trung tâm trợ giúp pháp lý lập kế hoạch kinh phí trợ giúp pháp lý lưu động, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cho người nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư của Chương trình gửi UBND cấp tỉnh xem xét quyết định;

- Vào tháng 6 hàng năm, UBND các xã ĐBKK thuộc phạm vi Chương trình 135 tổng hợp đối tượng thụ hưởng, nội dung hoạt động và mức kinh phí thực hiện chính sách theo phân kỳ thực hiện và kinh phí gửi UBND huyện để cấp huyện tổng hợp gửi Phòng Dân tộc tỉnh tổng hợp đối tượng thụ hưởng và mức kinh phí thực hiện vào trong dự toán chung của chương trình trong dự toán ngân sách địa phương.

c. Lập kế hoạch hằng năm:

- Đối với cấp tỉnh: Phòng Dân tộc tỉnh chủ trì phối hợp với Sở kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giao thông vận tải, Giáo dục và Đào tạo, Sở Xây dựng, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc lập kế hoạch tổng thể thực hiện Chương trình 135 đến năm 2010, kế hoạch thực hiện hằng năm, dự toán kinh phí tổng thể và chi tiết từng năm trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đối với cấp huyện: Phòng tài chính - Kế hoạch, Phòng Công Thương, Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn phòng UBND huyện căn cứ vào đề xuất của UBND xã,

các đơn vị được UBND huyện giao nhiệm vụ thực hiện Chương trình để lập kế hoạch năm trình UBND huyện. UBND huyện gửi kế hoạch cho Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Phòng Dân tộc tỉnh tổng hợp trình UBND tỉnh.

- Đối với cấp xã: Căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch của cả giai đoạn được duyệt, UBND xã tổ chức lấy ý kiến tham gia của nhân dân và các đoàn thể để lựa chọn danh mục công trình công việc thực hiện của năm sau theo thứ tự được ưu tiên. Kế hoạch năm sau phải được thông qua HĐND xã trước khi báo cáo UBND huyện để tổng hợp trình UBND tỉnh. Trong quá trình lập kế hoạch hằng năm UBND xã cần tổng hợp khả năng huy động các nguồn lực tại xã (vật tư, lao động...)

Điều 6. Tổ chức thực hiện các dự án, chính sách thuộc Chương trình 135 giai đoạn 2008 – 2010:

1. Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất:

1.1. Đối tượng:

- Hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tại quyết định 170/2005/QĐ-TTg ngày 8/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ và chuẩn nghèo mở rộng của tỉnh quy định tại quyết định 883/2006/QĐ-UBND ngày 22/3/2006 của UBND tỉnh) được ưu tiên hỗ trợ thêm các hoạt động mang tính dịch vụ của dự án.

- Nhóm hộ đang sinh sống trên địa bàn các xã, thôn, ấp thuộc phạm vi chương trình được hỗ trợ một phần cho đầu tư phát triển dự án.

Những hộ được thụ hưởng chính sách phải được bình chọn công khai, dân chủ từ cơ sở, UBND xã lập thành danh sách trình UBND huyện phê duyệt.

1.2 Nội dung dự án:

Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất gồm các nội dung hoạt động sau:

a. Hỗ trợ các hoạt động khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công:

- Tuyên truyền các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, thông tin thị trường, giá cả, in ấn, phát hành và phổ biến tới các hộ dân một số quy trình kỹ thuật sản xuất cây trồng, vật nuôi, bảo quản và chế biến nông, lâm sản...

- Bồi dưỡng, tập huấn, truyền nghề để nâng cao kiến thức, kỹ năng, quản lý kinh tế trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn;

- Tổ chức thăm quan, khảo sát học tập kinh nghiệm sản xuất trong và ngoài địa phương;

- Xây dựng mô hình trình diễn về ứng dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật công nghệ trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

b. Hỗ trợ xây dựng và phổ biến nhân rộng mô hình sản xuất:

- Mô hình chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất: trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, chế biến nông, lâm, thủy sản;

- Mô hình sản xuất gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm nông lâm, thủy sản;

- Mô hình chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở xã.

c. Hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi, vật tư sản xuất (chỉ áp dụng cho hộ nghèo):

- Giống vật nuôi: đại gia súc, tiểu gia súc, gia cầm và thủy sản: Giống cây trồng: Cây lương thực, cây công nghiệp, cây ăn quả....có năng suất, chất lượng phù hợp với điều kiện địa phương;

- Phân hoá học, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật và các vật tư khác.

d. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị, máy móc, công cụ chế biến bảo quản sản phẩm sau thu hoạt.

- Máy, thiết bị phục vụ bảo quản, chế biến sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp.

- Công cụ, máy móc phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.

Các địa phương không nhất thiết phải đầu tư thực hiện tất cả các nội dung trên trong một năm, ở cùng một địa bàn; mà có thể lựa chọn trong đó những nội dung thiết thực nhất, phù hợp với định hướng chung của huyện về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản và các đặc thù của địa bàn, nhu cầu của đồng bào dân tộc thiểu số. Đơn giá của các loại hiện vật hỗ trợ căn cứ vào thông báo của Sở Tài chính và các quy định hiện hành khác.

1.3 Chủ đầu tư :

Xã là chủ đầu tư, trường hợp do năng lực cán bộ xã không đảm đương được thì UBND huyện trực tiếp làm chủ đầu tư.

1.4 Quy trình lập, thẩm định, phê duyệt dự án và kế hoạch đầu tư:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn các huyện xây dựng kế hoạch hằng năm và cả giai đoạn 2008 – 2010.

- Ban quản lý dự án xã phối hợp với trường thôn, bản, tổ chức họp dân thông báo nội dung, đối tượng thụ hưởng, mức vốn đồng thời bàn bạc và xác định nội dung cần được hỗ trợ, báo cáo lên UBND xã tổng hợp quyết định.

- UBND xã lập kế hoạch thực hiện và dự toán chi tiết kèm theo của xã trình UBND huyện phê duyệt.

- Tổng hợp kế hoạch hằng năm, kế hoạch của cả giai đoạn 2008 – 2010 của các xã, thẩm định, phê duyệt và báo cáo UBND tỉnh.

- UBND tỉnh: Căn cứ vào nguồn vốn Trung ương giao và nguồn vốn địa phương giao cho Phòng Dân tộc – Văn phòng UBND tỉnh tham mưu phân bổ cho các huyện.

2. Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu:

2.1. Đối tượng công trình đầu tư của dự án:

- Công trình đầu tư tại các xã đặc biệt khó khăn: bao gồm các công trình được quy định dưới đây:

+ Công trình giao thông từ xã đến thôn ấp, liên thôn ấp. Không sử dụng nguồn vốn của Chương trình 135 để đầu tư đường ô tô đến trung tâm xã;

+ Công trình thủy lợi nhỏ phục vụ trong phạm vi xã hoặc liên thôn ấp;

+ Công trình điện từ xã đến thôn ấp. Không sử dụng nguồn vốn của Chương trình 135 để xây dựng công trình điện đến trung tâm xã;

+ Xây dựng mới, nâng cấp trường, lớp học tại trung tâm xã, đồng bộ cả điện nước sinh hoạt, trang bị bàn ghế học tập, công trình phục vụ cho học sinh bán trú, nhà ở giáo viên, công trình phụ tại thôn bản cần thiết;

+ Xây dựng mới, nâng cấp trạm y tế xã đồng bộ cả công trình phụ trợ điện nước sinh hoạt, mua sắm trang thiết bị thiết yếu theo chuẩn cơ sở y tế cấp xã;

+ Chợ: Chỉ hỗ trợ đầu tư công trình nhà lồng chợ và san lấp mặt bằng ban đầu có quy mô dưới 5.000 m²;

+ Nhà sinh hoạt cộng đồng tại thôn ấp nơi cần thiết;

+ Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

2.2. Lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình

- Dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu tại các xã bao gồm những công trình có quy mô nhỏ lẻ do vậy không phải lập dự án đầu tư mà chỉ lập báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình và đồng thời phải đầu tư hoàn thành dứt điểm không quá 2 năm. Báo cáo kinh tế kỹ thuật chỉ phải nêu: Tên công trình, tên chủ đầu tư, địa điểm xây dựng, quy mô công trình, nguồn vốn, thời gian thi công, thời gian hoàn thành và thiết kế bản vẽ thi công - dự toán;

- Báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình do chủ đầu tư tự lập hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực (nếu chủ đầu tư không tự làm được) trình UBND huyện thẩm định và phê duyệt.

- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạ tầng thực hiện theo Thông tư số 02/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006-2010;

2.3 Những quy định chung

Các quy trình gồm: trình tự lập, thẩm định, phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình; hình thức, trình tự nội dung đấu thầu, lựa chọn nhà thầu; Hình thức hợp đồng xây dựng; Công tác duy tu, bảo dưỡng công trình; Công tác bảo hành công trình và bảo trì công trình xây dựng; Quy định về giám sát hoạt động xây dựng; Nghiệm thu, bàn giao, quản lý khai thác công trình được thực hiện theo các văn bản: Luật xây dựng; Luật đấu thầu; Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về việc quản lý chất lượng công trình xây dựng; nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về việc quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 16/2005/NĐ-CP về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thông tư liên tịch số 01/2008/TTLT-UBDT-KHĐT-TC-XD-NNPTNT ngày 15/9/2008 của liên bộ Ủy ban Dân tộc, Kế hoạch đầu tư, tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; thông tư 02/2008/TT-BXD ngày 02/01/2008 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình cơ sở hạ tầng thuộc Chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc và miền núi giai đoạn 2006 - 2010.

3/ Những quy định riêng:

- Đối với tất cả các công trình thuộc dự án phát triển cơ sở hạ tầng thiết yếu được thực hiện theo hình thức hợp đồng xây dựng là loại hợp đồng trọn gói, không điều chỉnh giá

- Chủ đầu tư, nhà thầu chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh và pháp luật về công tác duy tu, bảo dưỡng và chất lượng công trình sau khi hoàn thành theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Chi phí hoạt động của Ban giám sát xã được thành lập để giám sát các công trình đầu tư xây dựng cơ bản thuộc phạm vi Chương trình 135 giai đoạn II (2008 - 2010) được tính bằng 0.5% của chi phí xây dựng (chưa có thuế giá trị gia tăng) trong chi phí đầu tư xây dựng công trình được duyệt.

3. Dự án đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ xã, thôn ấp và cộng đồng:

3.1. Đối tượng được đào tạo, bồi dưỡng: gồm các đối tượng sau đây:

- Công chức cấp xã, cán bộ chuyên trách và công chức chuyên trách cấp xã. Cán bộ không chuyên trách cấp thôn, ấp: Theo quy định tại điều 2 của Nghị định số 121/2003/NĐ-CP ngày 21/10/2003 của Chính phủ về việc chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức ở xã, phường thị trấn, cụ thể như sau:

+ Công chức cấp xã gồm: Trưởng công an xã, chỉ huy trưởng quân sự, văn phòng UBND xã, cán bộ thống kê, cán bộ địa chính-Xây dựng, Cán bộ tài chính-kế toán, Cán bộ tư pháp-hộ tịch, Cán bộ Văn hoá-xã hội);

+ Cán bộ chuyên trách cấp xã gồm: Bí thư, phó Bí thư Đảng uỷ, Thường trực Đảng uỷ cấp xã (nơi không có Phó bí thư chuyên trách công tác đảng); Chủ tịch, phó Chủ tịch HĐND xã, Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND xã, Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã; Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Chủ tịch Hội liên Hiệp phụ nữ, Chủ tịch Hội nông dân và Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã;

+ Cán bộ không chuyên trách cấp xã gồm: Trưởng Ban Tổ chức đảng, Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra đảng, Trưởng Ban Tuyên giáo và 01 cán bộ văn phòng đảng uỷ; phó trưởng công an, phó chỉ huy trưởng quân sự; Cán bộ Kế hoạch-giao thông-thủy lợi-nông, lâm, ngư

nghiệp; Cán bộ Lao động Thương binh và Xã hội; Cán bộ dân số-gia đình và trẻ em, thủ quỹ-văn thư-lưu trữ; cán bộ phụ trách đài truyền thanh; cán bộ quản lý nhà văn hoá; phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc; Phó các đoàn thể cấp xã: Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ, Hội nông dân và Hội Cựu chiến binh, Chủ tịch Hội người cao tuổi; Chủ tịch Hội chữ thập đỏ Việt Nam;

+ Cán bộ không chuyên trách ở thôn, ấp gồm: Bí thư chi bộ thôn, ấp; Trưởng thôn, ấp; Công an viên ở thôn, ấp.

- Cán bộ được cấp trên tăng cường về giúp xã;
- Các thành viên trong ban quản lý dự án và Ban giám sát xã;
- Người có uy tín trong cộng đồng của các thôn, ấp;
- Những người sản xuất giỏi có vai trò tích cực trong công tác xoá đói giảm nghèo, phát triển nông thôn của xã và thôn, ấp;

- Hộ nghèo;

- Cán bộ nguồn trong diện quy hoạch của xã;

- Công tác viên trợ giúp pháp lý cấp xã, thành viên câu lạc bộ trợ giúp pháp lý ở xã;

- Thanh niên người dân tộc thiểu số trong độ tuổi từ 16-25.

* Trong các đối tượng nêu trên ưu tiên đào tạo cán bộ là người dân tộc thiểu số và cán bộ nữ.

3.2. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng:

a. Các chính sách phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc và miền núi; kiến thức khoa học kỹ thuật, nâng cao nhận thức và vận dụng vào phát triển kinh tế hộ gia đình;

b. Cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II: Kiến thức về quản lý dự án đầu tư; giám sát đánh giá, báo cáo tổng hợp, thanh quyết toán... của các dự án và chính sách thuộc Chương trình;

c. Quy chế về dân chủ ở cơ sở và sự tham gia cộng đồng trong việc tham gia thực hiện Chương trình: Tổ chức họp dân, tổng hợp ý kiến, lập kế hoạch, giám sát đánh giá đầu tư;

d. Hỗ trợ dạy nghề cho đồng bào dân tộc thiểu số chỉ áp dụng đối với thanh niên trong độ tuổi từ 16-25 (thực hiện lồng ghép với quyết định số 81/2005/QĐ-TTg ngày 18/4/2005 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn).

g. Kiến thức pháp luật có liên quan.

3.3. Hình thức đào tạo, bồi dưỡng:

3.4.1. Đào tạo tập trung ngắn hạn: Thực hiện tại các cơ sở đào tạo của huyện. Các nội dung đào tạo nêu trên mà các cơ sở đào tạo ở các huyện không thực hiện được thì UBND huyện báo cáo Phòng Dân tộc tỉnh – Văn Phòng UBND tỉnh để tổ chức đào tạo chung cho các huyện tại các cơ sở đào tạo của tỉnh; Thời gian đào tạo từ 1- 3 ngày và tối đa không quá 1 tuần.

3.4.2. Bồi dưỡng tại chỗ: phổ biến tại các cuộc họp ở cấp xã, thôn. Tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh tại các thôn... Phát tài liệu, tập huấn cho cộng đồng, cán bộ cơ sở; Tham quan học tập trong và ngoài tỉnh: Chủ đầu tư tự tổ chức thực hiện theo kế hoạch được duyệt nhưng không quá 5% kinh phí kế hoạch vốn dự án hằng năm.

3.5. Kinh phí thực hiện dự án: Kinh phí để thực hiện dự án được bố trí từ nguồn kinh phí sự nghiệp của ngân sách nhà nước. Việc sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng được vận dụng theo một số nội dung chi phù hợp với loại hình đào tạo, bồi dưỡng quy định tại thông tư số 51/2008/TT-BTC ngày 16/6/2008 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng kinh phí đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước. Đối với công chức cấp xã và cán bộ không chuyên trách ở xã, ở thôn ấp được cấp toàn bộ chi phí học tập, ăn, ở, đi lại từ nguồn kinh phí đào tạo của Chương trình; mức chi phí được vận dụng theo một số nội dung chi theo quy định tại thông tư số 23/2007/TT-BTC ngày 21/3/2007 của Bộ Tài chính về quy

định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị đối với cơ quan hành chính sự nghiệp và đơn vị sự nghiệp công lập trong cả nước và các quy định riêng hiện hành của UBND tỉnh.

4. Chính sách hỗ trợ các dịch vụ, cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân, trợ giúp pháp lý để nâng cao đời sống pháp luật:

4.1 Đối tượng thụ hưởng:

a. Học sinh là con hộ nghèo (theo chuẩn nghèo tại quyết định 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005 của Thủ tướng Chính phủ, hộ nghèo theo chuẩn nghèo mở rộng của tỉnh tại quyết định 883/2006/QĐ-UBND) đang sinh sống tại xác xã thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II theo quyết định của cấp có thẩm quyền, cụ thể:

- Đối với học sinh mẫu giáo: Trong độ tuổi từ 3 đến 6 tuổi đang đi học tại các trường, lớp mẫu giáo trong và ngoài xã.

- Đối với học sinh các lớp thuộc hệ phổ thông: Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông do điều kiện trường, lớp ở xa gia đình, đi lại khó khăn phải thoát ly gia đình đến ăn ở tập trung tại trường, lớp hoặc khu vực xung quanh trường, lớp phải tự lo các khoản chi phí sinh hoạt, tiền ăn thì được hưởng chính sách.

- Đối với học sinh chỉ ở trường, lớp một buổi trưa và đi về trong ngày và học sinh trường dân tộc nội trú theo quy định của Nhà nước thì không thuộc đối tượng thụ hưởng chính sách này.

b. Đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ vệ sinh môi trường: Là các hộ nghèo có nhà ổn định, hiện chưa có nhà vệ sinh, hoặc chuồng trại gia súc ở sát nhà không đảm bảo điều kiện vệ sinh và có nguyện vọng làm nhà vệ sinh, di chuyển chuồng trại để cải thiện môi trường sinh sống.

c. Về hỗ trợ văn hoá và trợ giúp pháp lý: gồm 5 xã đặc biệt khó khăn.

4.2 Mức hỗ trợ:

a. Hỗ trợ học sinh con hộ nghèo:

- Đối với học sinh mẫu giáo: Hỗ trợ tiền ăn 150.000 đồng/tháng, thời gian đối tượng thụ hưởng theo thực tế thời gian học, nhưng không quá 9 tháng/ năm học.

- Đối với học sinh bán trú là con các hộ nghèo đang theo học tại các trường tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông: Hỗ trợ tiền ăn và dụng cụ học tập, mức hỗ trợ là 200.000 đồng/tháng, thời gian được hưởng theo thực tế thời gian học, nhưng không quá 9 tháng/năm học.

b. Hỗ trợ hộ nghèo cải thiện vệ sinh môi trường: Hỗ trợ một lần cho các hộ nghèo mua vật liệu để nâng cấp, sửa chữa, cải tạo, làm mới hoặc di chuyển chuồng trại và nhà vệ sinh, bằng mức hỗ trợ theo quy định của Trung ương là 01 triệu đồng/hộ cộng với nguồn ngân sách tỉnh bổ sung hằng năm.

c. Hỗ trợ hoạt động văn hoá thông tin cho các xã và ấp đặc biệt khó khăn: hỗ trợ một số hoạt động sinh hoạt cộng đồng ở thôn, ấp; tổ chức lễ hội văn hoá, sinh hoạt văn hoá văn nghệ, vui chơi thể thao, mít tinh tuyên truyền, phổ biến chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước. Mức hỗ trợ 05 triệu đồng/năm một xã, 03 triệu đồng/năm cho một ấp đặc biệt khó khăn.

d. Hỗ trợ trợ giúp pháp lý, nâng cao nhận thức pháp luật cho người nghèo:

Nguồn vốn ngân sách Trung ương của Chương trình 135 giai đoạn II hỗ trợ 2 triệu đồng/ năm cho một xã và 1 triệu đồng/năm cho một ấp đặc biệt khó khăn để tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ trợ giúp pháp lý.

Ngân sách tỉnh hỗ trợ 03/năm cho Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước để thực hiện trợ giúp pháp lý lưu động và cung cấp tài liệu pháp luật, thông tin pháp luật (tờ gấp, băng cassette) miễn phí cho người nghèo.

4.3 Hình thức hỗ trợ:

- Hỗ trợ con hộ nghèo đi học tại các lớp mẫu giáo và học sinh bán trú đang đi học tại các trường tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật: Việc cấp tiền mặt, mua dụng cụ học tập hay tổ chức ăn tại chỗ cho học sinh do hội phụ huynh học sinh và Ban giám hiệu nhà trường quyết định tùy theo điều kiện cụ thể và theo nguyện vọng của phụ huynh học sinh.

- Hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc bằng hiện vật (vật liệu xây dựng) cho hộ nghèo di chuyển hoặc làm mới chuồng trại, nhà vệ sinh, cấp phát trực tiếp cho hộ gia đình, trị giá hỗ trợ bao gồm cả chi phí vận chuyển đến địa điểm tập kết, người hưởng lợi tự vận chuyển về hộ gia đình.

- Hỗ trợ bằng tiền mặt cho hoạt động sinh hoạt cộng đồng của xã, ấp ĐBK

- Hỗ trợ trợ giúp pháp lý cho người nghèo gồm: Chi phí văn phòng phẩm, chè nước, âm thanh, ánh sáng, thuê báo cáo viên để sinh hoạt câu lạc bộ pháp lý, tổ chức họp tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật cho cộng đồng, cấp phát không thu tiền tài liệu pháp luật cho hộ nghèo.

4.4 Cơ chế quản lý:

a. Nguồn vốn thực hiện chính sách

- Ngân sách địa phương và lồng ghép các nguồn vốn của các chương trình dự án khác trên địa bàn để thực hiện.

b. Cấp phát, quyết toán vốn:

- Hỗ trợ một lần cho hộ gia đình nghèo trong diện được hỗ trợ nâng cấp, sửa chữa, cải thiện làm mới hoặc di chuyển chuồng trại chăn nuôi và nhà vệ sinh. Tùy theo thực tế của từng xã có tổ chức mua vật liệu hoặc cấp bằng tiền cho mặt cho hộ. Trường hợp cấp tiền mặt được cấp tạm ứng 70% kinh phí hỗ trợ theo định mức, sau khi hoàn thành có xác nhận của trưởng thôn, ấp thì được cấp đầy đủ theo định mức hỗ trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Nhà trường cấp tiền mặt cho học sinh từng tháng vào cuối tháng theo định mức và số ngày học thực tế. Nếu nhà trường tổ chức bữa ăn trưa cho học sinh hàng ngày, trường được tạm ứng kinh phí theo định mức để thực hiện; số lượng học sinh từ 10 đến 30 học sinh ăn tập trung hàng ngày tại trường, lớp được thuê một người phục vụ (định mức 30 học sinh/người phục vụ); mức tiền thuê người phục vụ trong 1 tháng bằng mức lương tối thiểu 01 cán bộ công chức nhà nước hiện hành. Kinh phí thuê người phục vụ nằm trong vốn của tỉnh phân bổ cho địa phương để thực hiện chính sách của chương trình, không trừ vào kinh phí hỗ trợ cho học sinh.

- Đối với chính sách hỗ trợ hoạt động văn hoá: Cấp 1 lần cho UBND xã, ấp đặc biệt khó khăn thuộc diện đầu tư Chương trình 135 giai đoạn II để thực hiện.

UBND tỉnh cấp kinh phí cho trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tổ chức trợ giúp pháp lý lưu động, cung cấp thông tin, tài liệu pháp luật cùng với kinh phí hoạt động hằng năm của trung tâm.

Quy trình cấp phát, thanh toán, tạm ứng vốn thực hiện theo hướng dẫn của Kho bạc Nhà nước, quyết toán vốn theo quy định hiện hành đối với nguồn vốn sự nghiệp.

Điều 7. Quản lý, cấp phát và thanh toán vốn:

1. Chuyển vốn và cấp phát:

a. Vốn đầu tư phát triển

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh phê duyệt, Phòng Dân tộc tỉnh – Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài Chính chuyên vốn cho phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện theo hình thức trợ cấp có mục tiêu. Phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện

căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt, chuyển vốn cho Kho bạc nhà nước huyện quản lý, cấp phát, thanh toán cho Ban QLDA và các đơn vị thực hiện theo cơ chế quản lý đầu tư xây dựng.

b. Vốn sự nghiệp

Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh phê duyệt, hàng năm Phòng Dân tộc tỉnh – Văn phòng UBND tỉnh phối hợp với Sở Tài Chính chuyển vốn về cho phòng Tài chính-Kế hoạch cấp huyện. Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện căn cứ vào chỉ tiêu và dự toán chi tiết đã được UBND huyện phê duyệt chuyển vốn qua Kho bạc nhà nước huyện. Kho bạc nhà nước huyện có trách nhiệm cấp phát thanh toán vốn cho Ban QLDA và các đơn vị thực hiện theo tiến độ và dự toán được phê duyệt.

c Các nguồn vốn huy động khác

Tất cả các nguồn vốn đầu tư cho Chương trình 135 giai đoạn II từ ngân sách Nhà nước đều phải quản lý và thanh toán tập trung, thống nhất qua hệ thống Kho bạc Nhà nước. Đối với các nguồn vốn đóng góp, tài trợ bằng vật tư, hiện vật, lao động hoặc bằng công trình hoàn thành thì căn cứ vào đơn giá hiện vật và giá trị ngày công lao động tại địa phương, cơ quan tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam để làm lệnh thu ngân sách. Đồng thời, làm lệnh chi ngân sách gửi Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để hoạch toán vào giá trị công trình và tổng hợp thu chi ngân sách Nhà nước.

2. Quyết toán:

Ban Quản lý dự án huyện, xã và các đơn vị được UBND huyện giao thực hiện nhiệm vụ của chương trình 135 giai đoạn II có trách nhiệm lập báo cáo quyết toán cho các dự án và hạng mục công trình hoàn thành. Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện là đầu mối tiếp nhận và chủ trì thẩm tra quyết toán các dự án, hạng mục công trình, trình UBND huyện phê duyệt;

Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện chủ trì, phối hợp cùng các phòng ban có liên quan để thẩm tra báo cáo quyết toán đối với công trình có giá trị quyết toán từ 300 triệu đồng trở lên. Phòng Tài chính-Kế hoạch trực tiếp thẩm tra báo cáo quyết toán có giá trị dưới 300 triệu đồng.

3. Kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình cấp tỉnh và huyện:

Gồm các khoản chi: Công tác phí, kiểm tra giám sát, tổng hợp báo cáo, hội nghị... được giao theo chỉ tiêu hàng năm cho các Ban chỉ đạo bằng nguồn vốn sự nghiệp của Chương trình theo định mức bằng 0,5% trên tổng kinh phí ngân sách Trung ương cân đối cho Chương trình. Tổng kinh phí cho các Ban chỉ đạo toàn tỉnh không quá 500 triệu đồng/năm.

Điều 8. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện các dự án, chính sách thuộc chương trình:

Định kỳ hàng tháng, hàng quý UBND các huyện và Kho bạc Nhà nước tỉnh báo cáo tình hình thực hiện cho Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II, Phòng Dân tộc tỉnh và UBND tỉnh;

Các đơn vị thực hiện, UBND các xã có dự án, chính sách thuộc chương trình báo cáo hàng tháng, hàng quý gửi UBND huyện, Phòng Tài chính-Kế hoạch và các phòng, ban chuyên môn có liên quan;

Phòng Tài chính-Kế hoạch huyện, Kho Bạc Nhà nước huyện thực hiện việc báo cáo định kỳ cho hệ thống quản lý ngành dọc của mình về tiến độ thực hiện và tình hình sử dụng nguồn vốn của Chương trình;

Phòng Dân tộc tỉnh có trách nhiệm tổng hợp báo cáo định kỳ hàng tháng, quý về tình hình thực hiện các dự án, chính sách thuộc chương trình gửi UBND tỉnh, Ủy ban Dân tộc;

Kết thúc năm kế hoạch và kết thúc chương trình, UBND các huyện lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện chương trình 135 giai đoạn II gửi về Ban chỉ đạo Chương trình 135 giai đoạn II để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và các Bộ, ngành Trung ương.

CHƯƠNG III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Tổ chức thực hiện.

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện Châu Đức, Xuyên Mộc; UBND xã Tân Lâm, huyện Xuyên Mộc; các xã: Bàu Chinh, Đá Bạc, Cù Bị, Sơn Bình của huyện Châu Đức và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm triển khai thực hiện đúng theo quy định này.

Điều 10. Điều chỉnh, sửa đổi.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu phát sinh vướng mắc hoặc những quy định trên đây không còn phù hợp với tình hình thực tế thì Phòng Dân tộc tỉnh có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến của UBND các huyện và các cơ quan chức năng để tham mưu đề xuất bổ sung, sửa đổi cho phù hợp trình UBND tỉnh xem xét quyết định./.



Trần Ngọc Thới